

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2022

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

| TT | TÊN TÀI LIỆU | SỐ TRANG |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1 | Chương trình Đại hội | 02 |
| 2 | Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội | 07 |
| 3 | Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án kinh doanh năm 2022. | 27 |
| 4 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2021 | 04 |
| 5 | Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. | 04 |
| 6 | Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2021 | 11 |
| 7 | Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022. | 01 |
| 8 | Tờ trình phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020. | 01 |
| 9 | Tờ trình Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021. | 03 |

Số: 888 /CTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Thời gian: Từ 8h00 ngày 28/4/2022

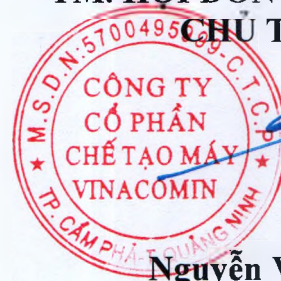
| TT | Nội dung | Người giới thiệu/thực hiện |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1 | Ôn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ | Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC |
| 2 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC |
| 3 | Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội | Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC |
| 4 | - Giới thiệu đồng chủ tọa điều hành Đại hội - Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Thư ký và Ban kiểm tra tư cách cổ đông. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 5 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. | Ban Thẩm tra tư cách CD |
| 6 | Thông qua chương trình làm việc, Quy chế tổ chức của Đại hội. | Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC |
| 8 | Biểu quyết thông qua chương trình làm việc, Quy chế Đại hội. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 9 | Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. | Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty |
| 10 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, phương hướng nhiệm vụ 2022 | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 11 | Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |
| 12 | Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |
| 13 | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |

| TT | Nội dung | Người giới thiệu/thực hiện |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 14 | Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021. | Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng |
| 15 | Tờ trình phân phối thù lao năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022. | Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng |
| 16 | Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 17 | Ý kiến của của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 18 | Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 19 | Thông qua dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội | Thư ký Đại hội |
| 20 | Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 21 | - Bế mạc Đại hội. - Thực hiện nghi lễ chào cờ. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 889 /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp.

Chương III:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được uỷ quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp. Tổ chức được uỷ quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được uỷ quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp. Tổ chức được uỷ quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy uỷ quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy uỷ quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo uỷ quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản uỷ quyền theo mẫu của Công ty; Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Khi cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có). Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy ủy quyền họp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký: Đại hội Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm phiếu: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu: Có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2021.
3. Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2021
5. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022.
6. Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021.
7. Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022.
8. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 11. Thủ tục biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị

rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ.” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cổ đông đại diện của Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu

tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/4/2022./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo ĐH (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Tú

Số: 825 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/4/2021 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm; Công ty đã ký kết được các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát và một số khách hàng khác có hiệu quả.

- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

1.2. Khó khăn

- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CB, CN, người lao động tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị và một số công trình trọng tâm.

- Tình hình tài chính đã được cải thiện tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | KH 2021 | TH 2020 | TH 2021 | So KH 2021 (%) | So cùng kỳ 2020 (%) |
|----|------------------|---------|-----------|-----------|-----------|----------------|---------------------|
| 1 | Doanh thu | tr.đ | 1.456.000 | 1.494.693 | 2.070.185 | 142,2 | 138,5 |
| 2 | Chi phí sản xuất | tr.đ | 1.445.000 | 1.428.251 | 2.057.464 | 144,05 | 142,38 |

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | KH 2021 | TH 2020 | TH 2021 | So KH 2021 (%) | So cùng kỳ 2020 (%) |
|----|--------------------------------------------------|------------------|---------|---------|---------|----------------------|---------------------------|
| 3 | Giá trị sản xuất | tr.đ | 486.908 | 538.930 | 580.542 | 119,2 | 107,7 |
| 4 | Lao động bình quân | người | 870 | 860 | 860 | 98,9 | 100,0 |
| 5 | Tổng quỹ tiền lương | tr.đ | 92.655 | 99.208 | 105.357 | 113,71 | 106,19 |
| 6 | Tiền lương bình quân | Nghìn đồng/th | 8.880 | 9.613 | 10.209 | 115,03 | 106,20 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đ | 11.000 | 12.143 | 12.721 | 115,64 | 104,75 |
| 8 | Cổ tức | % | 10 | 10 | 10 | 100 | 100 |
| 9 | Giá trị các dự án đầu tư | tr.đ | tr.đ | 18.305 | 17.602 | 17.811 | 97 |
| 10 | Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH | % | | 15,64 | 15,72 | | 100,5 |
| 11 | Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ | % | | 20,65 | 21,60 | | 104,6 |
| 12 | Nợ ngắn hạn | Tr.đ | | 458.197 | 459.735 | | 100,3 |
| | - Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn. | | | 182.303 | 171.544 | | 94,0 |
| 13 | Nợ dài hạn | Tr.đ | | 27.245 | 23.049 | | 84,6 |
| | - Trong đó: Vay và nợ dài hạn. | | | 24.200 | 20.569 | | 84,9 |
| 14 | Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH) | | | 0,77 | 0,81 | | 105,2 |

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu

* Sửa chữa thiết bị mỏ:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2021 đạt 70 thiết bị/KH 59 máy, bằng 119% KH đầu năm, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2020.

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2021 đạt: đạt 1.413 tấn/KH 1.500 tấn, bằng 94% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 440,5 tấn/600 tấn, bằng 73,4% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 6.447 cột/KH 6.000 cột, bằng 107,5% KH năm;

- Thiết bị theo dự án trong TKV: đạt 403 tấn/400 tấn, bằng 100,8% KH năm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 569 tấn/500 tấn, bằng 114% KH năm.

* Chế tạo, phục hồi phụ tùng:

+ Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 365 tấn/KH 600 tấn, bằng 61% KH năm;

+ Phục hồi phụ tùng: đạt 361 tấn/KH 500 tấn, bằng 72% KH năm;
+ Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 2.205 tấn/KH 500 tấn, đạt 441% kế hoạch năm.

* Sản xuất thép cán và vì chống lò:

+ Sản xuất thép cán: đạt 85.435 tấn/KH 80.000 tấn, bằng 106,8% KH năm và tăng 5,7% so với năm 2020; trong đó bán ra đạt 50.663 tấn/KH 46.500 tấn, bằng 109% KH năm, tăng 11% so với năm 2020.

+ Chế tạo vì lò: đạt 36.794 tấn/KH 33.500 tấn, bằng 110% KH năm, tăng 5,5% cùng kỳ 2020.

2.1.3. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giản lao động quản lý, phục vụ phụ trợ, đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 860 người/định mức 870 người, bằng 99%; Tiền lương bình quân đạt 10.209.000 đồng/KH 8.875.000 đồng/người/tháng, đạt 115% KH năm.

2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2021, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Đã đáp ứng nhu cầu việc làm ở mức cao cho toàn thể người lao động;
- Đã duy trì sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Công ty (sửa chữa thiết bị mỏ, sản xuất vì chống lò,...vv)

- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Gói thầu 35 của Công ty Tuyển than Hòn Gai - VINACOMIN. Bổ sung thêm một số thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV (15 toa xe AT30B - Tuyển Than Cửa Ông, Máy xúc CAT 390 số 20 của VIMICO,...).

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2021, Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ: Thường xuyên thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả các cuộc họp giao ban sản xuất. Từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mỏ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất.

- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách

nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

- Chất lượng của sản phẩm đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu đầu vào, các nguyên công trong quá trình sản xuất, khâu bao gói xuất xưởng, tiếp nhận thông tin và giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến lĩnh vực chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục duy trì, đảm bảo tính hiệu lực, tính liên tục của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tuy nhiên chất lượng một số sản phẩm chưa thực sự ổn định (*đặc biệt là các sản phẩm tạo phối từ đúc*) làm ảnh hưởng tiến độ, uy tín, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

2.2.4. Công tác kỹ thuật và chế tạo sản phẩm mới

Trong năm 2021, công tác kỹ thuật và quản lý chất lượng đã bám sát kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” góp phần quan trọng đạt được sản lượng thép SVP năm 2021 trên 85.000 tấn.

- Sử dụng hiệu quả phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) đã khắc phục các sai hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm đúc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019 ÷ 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Năm 2021 đã thực hiện: (i) Đầu tư các thiết bị có ứng dụng công nghệ CNC : Máy phay răng, Máy tiện, Máy cắt dây,...; (ii) Sửa chữa đồng bộ hóa Hệ thống hút khí mạ, Hệ thống xử lý khói bụi lò thép, Hệ thống xử lý khói bụi máy phá khuôn. (iii) Sửa chữa các thiết bị quan trọng hiện có theo hướng hiện đại hóa, TĐH như: Máy tiện đứng 1516, Máy doa ngang 2622B, Máy bào giường 7112, Lò nhiệt luyện 8T/mẻ,...;

- Công tác đề tài NCKH và sáng kiến: (i) Hoàn thành quyết toán đề tài “Nghiên cứu Công nghệ, chế tạo thử nghiệm 01 bánh răng m30Z144 máy xúc ЭКТ 10m³ thay thế nhập khẩu” và đang triển khai thực hiện 02 đề tài cấp TKV; (ii) Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2021: Thẩm định và xét duyệt 70/90 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với tiền thưởng 298 triệu đồng, giá trị làm lợi hơn 5 tỷ đồng góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

a. Công tác ĐTXD: Công ty tập trung triển khai và hoàn thành các dự án theo kế hoạch:

* Các dự án đầu tư năm 2021:

- Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2021-2022: Hoàn thành 04/04 gói thầu:

+ Gói thầu số 1: 02 Máy cắt dây CNC và 01 Máy phay răng CNC;

+ Gói thầu số 2: 02 Máy tiện CNC;

- + Gói thầu số 3: 02 Xe ô tô đầu kéo > 35 tấn;
- + Gói thầu số 4: 02 Máy đo thân nhiệt.
- Dự án Đầu tư phương tiện vận tải, nâng tải năm 2021-2022: Hoàn thành 02/02 gói thầu:

- + Gói thầu số 1: 01 Xe ô tô bán tải;
- + Gói thầu số 2: 01 Xe ô tô chở người 29 chỗ.

* *Kiểm toán dự án hoàn thành:* Thực hiện 02/02 dự án gồm:

- Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2019-2020;
- Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ.

* *Kết quả thực hiện công tác đầu tư xây dựng:*

- Số lượng các gói thầu thực hiện đạt 100% kế hoạch năm;
- Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 17.811/18.305 triệu đồng, tương ứng 97 % kế hoạch điều chỉnh năm.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo theo yêu cầu của TKV và các cơ quan quản lý cấp trên;

- Hoàn thành việc ký các hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Quảng Ninh theo đơn giá thuê đất giai đoạn 2021-2026.

2.2.6. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư năm 2021 đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định.

* Kết quả giá trị nhập - xuất vật tư tồn kho năm 2021:

DVT: tỷ đồng

| Tên vật tư, hàng hóa | Tồn đầu kỳ (31/12/2021) | Nhập kho | Xuất kho | Tồn cuối kỳ (31/12/2021) |
|-------------------------|----------------------------|------------------|------------------|-----------------------------|
| Tổng số | 43,677 | 1.743,304 | 1.738,075 | 48,906 |
| Vật liệu: | 43,677 | 1.671,848 | 1.667,856 | 47,669 |
| - Phôi thép | 0 | 1.433,85 | 1.433,85 | 0 |
| - Thép làm cột chống | 2,320 | 8,364 | 9,017 | 1,667 |
| - Vật tư, phụ tùng khác | 18,153 | 215,32 | 207,118 | 26,355 |
| - Sắt thép phế liệu | 23,204 | 14,314 | 17,871 | 19,647 |
| Nhiên liệu | 0 | 71,456 | 70,219 | 1,237 |

- Việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư của Công ty và hướng dẫn của TKV. Mặc dù khối lượng vật tư luân chuyển qua các kho rất lớn, nhưng việc quản lý vật tư ở các kho được thực hiện khá tốt, trong năm không có hiện tượng hư hỏng, thất thoát vật tư.

- Trong năm 2021 đã triển khai thực hiện bán, sử dụng sắt thép phế liệu làm giảm giá trị tồn kho, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tuy nhiên, trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên việc cung ứng vật tư cho một số các đơn hàng vật tư bị chậm, đồng thời một số vật tư dùng cho sửa chữa các thiết bị công cụ, máy khoan điện, máy xúc điện do trên thị trường khan hiếm, nhập khẩu khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả trong công tác sửa chữa lớn.

2.2.7. Công tác cơ điện và quản lý thiết bị

- Tình hình sử dụng thiết bị:

| TT | Diễn giải | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|----------|----------|---------|
| 1 | Tổng số thiết bị phục vụ sản xuất | Thiết bị | 232 | |
| 2 | Hệ số sử dụng thiết bị | % | 50,5 | |
| 3 | Ngừng do sửa chữa định kỳ | % | 1,7 | |
| 4 | Ngừng do sửa chữa đột xuất | % | 1,0 | |
| 5 | Ngừng do không việc | % | 46 | |
| 6 | Ngừng do mất điện | % | 0,3 | |
| 7 | Ngừng do nguyên nhân khác | % | 0,5 | |

- Thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị:

| TT | Nội dung | ĐVT | Năm 2021 | | Tỷ lệ % (TH/KH) |
|----|-----------------------|---------|----------|--------|--------------------|
| | | | KH | TH | |
| 1 | Sửa chữa thường xuyên | Tr đồng | 17.580 | 29.547 | 168 |
| 2 | Sửa chữa đột xuất | Tr đồng | 2.000 | 1.850 | 92,5 |
| 3 | Sửa chữa cấp trung tu | Tr đồng | 22.400 | 16.733 | 75 |

Đối với sửa chữa thường xuyên, ngoài việc sửa chữa đảm bảo tình trạng kỹ thuật hiện có của thiết bị, Công ty còn thực hiện thêm các nội dung sửa chữa theo hướng nâng cao mức độ TĐH-THH, giảm tiêu thụ điện năng, cải thiện điều kiện lao động và thân thiện với môi trường; ngoài ra có một số công trình phát sinh so với kế hoạch trong quá trình thực hiện.

Đối với sửa chữa cấp trung tu, Công ty tổ chức thực hiện 100% hạng mục theo kế hoạch, tuy nhiên giá trị đạt 75% do có các công trình thực hiện dở dang và quyết toán vào đầu năm 2022.

- Công tác quản lý năng lượng:

(i) Công ty thực hiện tốt việc định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo kế hoạch; thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện năng như: Thay thế đèn led, sử dụng khởi động mềm hoặc biến tần cho các thiết bị có công suất lớn, giám sát nhiệt độ các thiết bị nhiệt luyện,...vv.

(ii) Tình hình sử dụng điện năng năm 2021: Tổng sản lượng điện tiêu thụ là 11.768.716/12.685.000 kWh theo kế hoạch, trong đó:

- Điện dùng cho sản xuất: 11.569.875 kWh;
- Điện dùng cho sinh hoạt: 198.841 kWh;
- Tình hình sử dụng nước:
- + Nước sạch mua vào (TH/KH): 123.144/220.800 m³;

+ Nước tuần hoàn: 424.214 m³.

Nhận xét: Công tác cơ điện năm 2021 đã đảm bảo năng lực thiết bị cho sản xuất, tiết kiệm chi phí, tăng cường hệ số sử dụng thiết bị, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

Hạn chế: Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị như tiêu tu, bảo dưỡng có thời điểm chưa thực hiện đúng kế hoạch do các thiết bị phải đáp ứng nhu cầu sản xuất thực tế và diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19.

2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

* Công tác định mức:

- Đáp ứng được với yêu cầu chung của sản xuất, kịp thời xây dựng định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất phục vụ các dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho người lao động;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho người lao động;

* Công tác quản lý lao động:

- Thường xuyên tiến hành rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối số lao động cần thiết cho sản xuất. Thực hiện việc điều chuyển, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hàng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2021 như sau (Lao động theo danh sách):

| TT | Danh mục | Lao động đầu năm 2021 (Người) | Lao động đến cuối năm 2021 (Người) | Lao động tăng, giảm trong năm 2021 (Người) | Tỷ lệ lao động tại thời điểm 31/12/2021 (%) | Ghi chú |
|----|---------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 6 | 7 |
| 1 | Lao động quản lý | 128 | 124 | -04 | 15,8 | |
| 2 | Lao động phục vụ, phụ trợ | 78 | 78 | 0 | 9,9 | |
| 3 | Lao động công nghệ | 590 | 585 | -5 | 74,3 | |
| | Tổng: | 796 | 787 | 9 | 100 | |

Kết quả tình giảm lao động: Đã giảm tuyệt đối 4 lao động gián tiếp.

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLĐ công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

| TT | Chỉ tiêu | Đ.vị tính | Thực hiện 2020 | KH 2021 | Thực hiện 2021 | Tỷ lệ % | |
|----|----------|-----------|----------------|---------|----------------|---------|--------|
| | | | | | | So với | So với |

| | | | | | | KH 2021 | TH 2020 |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| 1 | Lao động bình quân trong danh sách | Người | 860 | 870 | 860 | 98,85 | 100 |
| 1.1 | Lao động công nghệ | Người | 651 | 664 | 658 | 99,10 | 101,08 |
| 1.2 | Lao động phụ trợ | Người | 45 | 45 | 45 | 100,00 | 100,00 |
| 1.3 | Lao động phục vụ | Người | 35 | 33 | 33 | 100,00 | 94,29 |
| 1.4 | Lao động gián tiếp | Người | 129 | 128 | 124 | 96,88 | 96,12 |
| 2 | Tiền lương theo GTSX | Tr.đ | 99.208 | 92.655 | 105.357 | 113,71 | 106,19 |
| 3 | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng/th | 9.613 | 8.875 | 10.209 | 115,03 | 106,20 |
| 4 | NSLĐ BQ (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương) | Tr.đ /ng/năm | 129,5 | 119,1 | 137,3 | 115,28 | 106,02 |

- Điều hành quỹ tiền lương theo đúng quy định và hướng dẫn của TKV về việc xây dựng kế hoạch và quản lý quỹ tiền lương;

* Thực hiện chế độ chính sách với người lao động

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty, cụ thể theo bảng sau:

Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2021:

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------|
| 1 | Bảo hiểm xã hội | | | |
| 1.1 | LĐ tham gia BHXH | Người | 787 | |
| 1.2 | Quỹ lương | Đồng | 56.797.974.000 | |
| 1.3 | Số phải đóng | Đồng | 17.749.369.769 | |
| 2 | Giải quyết chế độ | | | |
| 2.1 | Hưu trí | Người | 7 | |
| 2.2 | Tuất | Người | 2 | |
| 2.3 | Ốm đau, thai sản, dưỡng sức | | | |
| - | Dưỡng sức sau thai sản | Đồng, Người | 22.797.000 8 | |
| - | Ốm đau | Đồng, Lượt người | 711.674.900 1344 | |
| - | Thai sản | Đồng, Người | 559.701.000 48 | Có cả Nam nghỉ vợ sinh |
| 2.4 | Hoãn hợp đồng | Lượt người | 12 | |

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-------|---------------|---------|
| 2.5 | Chăm dứt HĐLĐ | Người | 17 | |
| | Trợ cấp CDHĐ | Đồng | 603.106.000 | |
| 2.6 | Giải quyết TNLĐ | Người | 12 | |
| - | Chi trả trợ cấp TNLĐ | Đồng | 69.606.640 | |
| 2.7 | Chi trả trợ cấp thất nghiệp | Người | 787 | |
| | | Đồng | 2.336.750.000 | |
| 2.8 | Phép năm | Người | 771 | |

- Giải quyết cấp phát trang bị BHLĐ kịp thời và đúng tiêu chuẩn, đối tượng.

- Thực hiện việc giải quyết và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, điều dưỡng cho CB, CN, NLĐ kịp thời, cùng kỳ trả lương tháng của Công ty. Thực hiện chế độ bồi dưỡng thêm ca, độc hại kịp thời cho NLĐ. Triển khai tốt việc thực hiện cấp bồi dưỡng độc hại hàng ngày và chống nóng cho công nhân.

** Công tác Y tế:*

- Đã kết hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Quảng Ninh về đo kiểm tra môi trường lao động tại các phân xưởng trong Công ty, qua đó đề xuất các giải pháp cải tạo đảm bảo môi trường làm việc phù hợp cho người lao động. Tổ chức phun diệt côn trùng, muỗi gián để phòng chống các loại dịch bệnh lây lan trong mùa hè;

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 769/774 người, đạt 99,3 %; Khám sức khỏe chuyên đề cho lao động nữ là 173 người; kiểm tra sức khỏe cho những người làm việc trên cao 254 lượt người.

** Công tác phòng chống dịch bệnh:*

- Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, phương án và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, hạn chế tối đa nguy cơ dịch bệnh lây lan bùng phát trong Công ty.

- Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp song Công ty đã kịp thời cập nhật các văn bản chỉ đạo, những diễn biến mới nhất của tình hình dịch bệnh COVID-19 để xây dựng các Phương án ứng phó với các cấp độ dịch bệnh, triển khai nhiều biện pháp phòng, chống dịch: Tuyên truyền, trang bị khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, phun thuốc khử trùng toàn bộ trụ sở, nhà xưởng, bếp ăn...vv; Phối hợp cùng Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả tổ chức xét nghiệm RT-PCR cho 1.298 người, test nhanh COVID-19 cho 250 lượt. Qua công tác xét nghiệm sàng lọc COVID-19 đã phát hiện 01 trường hợp F0, truy vết 26 trường hợp F1 và 18 trường hợp F2; Hướng dẫn cho các trường hợp F1 khai báo y tế tại địa phương và thực hiện cách ly theo đúng quy định.

** Công tác đời sống:*

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bảo đảm tuyệt đối AT-VSTP, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống dịch COVID-19, tăng cường các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại công trường trong thời tiết nắng nóng.

2.2.9. Công tác tài chính kế toán

- Tình hình tài chính, công nợ:

+ Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

+ Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Vay trong kỳ | Trả trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Chênh lệch (+,-) |
|----|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|------------------|
| I | Vay ngắn hạn | 171,9 | 492,7 | 504,0 | 160,6 | - 11,3 |
| II | Vay dài hạn | 34,5 | 7,5 | 10,5 | 31,5 | - 3,0 |

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Nội dung | Số tiền |
|-----------|------------------------|-----------------|
| I | Các loại thuế | 21.886,4 |
| 1 | Thuế TNDN | 3.031,3 |
| 2 | Thuế GTGT | 15.975,5 |
| 3 | Thuế TNCN | 467,3 |
| 4 | Thuê đất | 2.392,2 |
| 5 | Thuế khác | 20,1 |
| II | Bảo hiểm xã hội | 17.749,4 |

- Tình hình thu hồi công nợ:

Ngay từ đầu năm, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc thu hồi công nợ theo Công văn số 5666/TKV-KTTC+KH+VTM+ĐT ngày 29/10/2018 của TKV nên tình hình tài chính của Công ty đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất. Năm 2021, Công ty thu được 2.205,1 tỷ đồng/2.257,2 tỷ đồng tổng số nợ phải thu khách hàng, số dư nợ phải thu khách hàng ngày 31/12/2021: 265,7 tỷ đồng, tăng 52,1 tỷ đồng so với đầu năm.

- Tình hình thanh toán cho người bán:

Năm 2021 Công ty trả được 2.005,5 tỷ đồng/1994,8 tỷ đồng nợ phải trả người bán, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2021: 228,1 tỷ đồng, giảm 10,7 tỷ đồng so với số dư đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV số tiền: 42,9 tỷ đồng.

- Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

+ Vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 01/01/2021: 62.006,5 triệu đồng;
 Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.
 Tại ngày 31/12/2021: 64.561,1 triệu đồng;
 Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

- Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn) | 77,37 % | 80,71 % | |
| - Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn | 46,25 % | 58,3 % | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,89 | 0,88 | |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 7,8 | 7,5 | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 272,6 % | 378,1 % | |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | 0,65 % | 0,49 % | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 15,64 % | 15,72 % | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) | 1,77 % | 1,85 % | |
| - Hệ số Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần | 0,69 % | 0,58 % | |

2.2.10. Công tác an ninh, an toàn, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống mưa bão, bảo vệ môi trường

* Công tác AT-VSLĐ, PCCC:

- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% CBCN, người lao động; huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm theo quy định cho tổng số 634 lượt người;
- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Kết quả thực hiện theo 5 nội dung Kế hoạch AT-VSLĐ như sau:

| TT | Nội dung | Kế hoạch | | Thực hiện | | Tỷ lệ Giá trị TH/ KH (%) |
|----|----------------------------|----------|----------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------|
| | | Số việc | Giá trị (tr.đồng) | Số việc | Giá trị (tr.đồng) | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/2 |
| 1 | Các biện pháp về KTAT-PCCN | 11 | 1.182,400 | 11 | 1.164,0 | 98 |
| 2 | Các biện pháp về KT-VSCN | 7 | 357,500 | 7 | 392,0 | 109 |
| 3 | Trang thiết bị BVCN | 49 | 1.230,18 | 49 | 1.238,2 | 101 |
| 4 | Chăm sóc sức khỏe NLD | 11 | 3.391,0 | 11 | 3.737,0 | 110 |

| | | | | | | |
|---|-----------------------|-----------|----------------|-----------|--------------|------------|
| 5 | Tuyên truyền giáo dục | 20 | 885,0 | 20 | 886,5 | 100 |
| | Cộng | 98 | 7.046,1 | 98 | 7.418 | 105 |

+ Kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ đạt 7.417,7/7.046,1 (triệu đồng), tương ứng 105 % kế hoạch năm;

+ Thực hiện 49/49 nội dung Trang bị BHLĐ với chi phí 1230,2/1.230,1 (triệu đồng), tương ứng 100 % so với kế hoạch năm.

- Hoàn thành công tác huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 160 người; kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH năm 2021. Kết quả thực hiện công tác PCCC là 507,5/472 (triệu đồng), tương ứng 107 % kế hoạch và trong năm 2021 Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hay vi phạm PCCC;

- Năm 2021, Công ty không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra 10 vụ TNLĐ nhẹ làm 10 người bị thương (so với năm 2020 giảm 7 vụ). Các trường hợp TNLĐ có nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, thiếu quan sát,... và các vụ TNLĐ đều được Công ty tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản*

- Công ty tiếp tục thực hiện xã hội hóa thuê dịch vụ bảo vệ, phối hợp cùng với lực lượng bảo vệ của Công ty thực hiện tốt: các kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tài sản và sẵn sàng trực chiến đấu trong các ngày Lễ, Tết. Thực hiện việc giám sát xuất, nhập vật tư, hàng hóa ra vào Công ty đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong Công ty, công trường và trên địa bàn.

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB,CN, NLĐ được giải quyết kịp thời nên không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự theo chỉ tiêu phân bổ của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả.

** Công tác Phòng chống mưa bão - Bảo vệ môi trường*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Xây dựng và ban hành phương án PCTT-TKCN và phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức phòng chống mưa bão và PCTT- TKCN; tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét, khai thông các hồ lắng và hệ thống thoát nước trong Công ty; đo kiểm tra, sửa chữa 1.050 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét; tổ chức triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện ứng trực sẵn sàng 24/24h khi có thời tiết mưa bão. Giá trị thực hiện là 4.473/ 2.515 (triệu đồng), tương ứng 177,8 % kế hoạch năm.

- Công tác Bảo vệ môi trường: Công tác phân loại, thu gom chất thải tại nguồn trong Công ty được thực hiện theo quy định và định kỳ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Các công trình môi trường như: Hệ thống xử lý (nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, nước thải mạ), Lò đốt chất thải, Hệ thống hút khí mạ, Hệ thống hút khí bụi đúc,... được duy trì hoạt động ổn định đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Kết quả thực hiện đạt 6.767,5/6.755 (triệu đồng), tương ứng 102% kế hoạch năm.

2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2021 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2021 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2021, từ đó công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, lợi nhuận ước đạt 12,721 tỷ/KH 11 tỷ đồng, bằng 115,6% kế hoạch.

2.2.12. Các công tác khác

*** Công tác xã hội, cộng đồng:**

- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân các ngày Lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sỹ 27/7.

- Quan tâm chăm lo các cháu con CB, CN, NLĐ: tặng quà cho 1.417 lượt cháu thiếu niên, nhi đồng, các cháu tật nguyền nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Quốc tế thiếu nhi và Trung thu; Tuyên dương, khen thưởng các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi đỗ Đại học năm học 2020-2021 với tổng số tiền hơn 285 triệu đồng.

- Thường xuyên quan tâm, chăm lo, đóng góp ủng hộ, động viên các gia đình người lao động đặc biệt khó khăn.

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội khác với số tiền hơn 700 triệu đồng,...vv.

*** Công tác văn hóa, thể thao:**

Trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn do những ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, tuy nhiên hoạt động VHVN, TDTT, tuyên truyền động viên NLĐ của Công ty tiếp tục được duy trì và diễn ra thường xuyên, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần cho NLĐ, mặt khác tạo sự đoàn kết, gắn bó, phối hợp hiệu quả trong công việc. Một số hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức thành công Hội thi nấu ăn giỏi năm 2021 nhân kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam (20/10/1930 - 20/10/2021), tạo hiệu ứng tốt và lan tỏa, động viên tinh thần đến toàn thể NLĐ trong Công ty.

- Tổ chức thành công Giải cầu lông truyền thống Công ty năm 2021, thu hút đông đảo và tích cực tham gia của CB, CN, NLĐ trong Công ty; Tổ chức các trận giao hữu bóng đá, cầu lông trong Công ty cũng như với các đối tác, khách hàng; Tham gia các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương.

- Đặc biệt trong năm 2021, Công ty là đơn vị cơ khí duy nhất vinh dự có 3 ca khúc được đưa vào trong Tuyển tập âm nhạc “Đất mở anh hùng”. Trên cơ sở đó, đã tổ chức triển khai làm video ca nhạc nhằm khắc họa những giai đoạn lịch sử, những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của những người thợ Nhà máy Cơ khí Trung tâm trước đây và Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN hôm nay.

Các hoạt động văn hóa, thể thao đã góp phần làm phong phú đời sống vật chất, tinh thần và gắn bó, đoàn kết người lao động tạo không khí vui tươi phấn khởi, động viên CB, CN, NLĐ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ

3.1. Công tác chỉ đạo:

- Đảng ủy, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, kết luận, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện phù hợp với đặc thù sản xuất của Công ty.

- Ban Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo, các phòng, ban chức năng xây dựng Quy chế, Quy định, Nội quy phù hợp với Công ty cùng sự thay đổi của các văn bản, quy định của Nhà nước, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc.

3.2. Các văn bản đã ban hành:

Trong năm 2021, Công ty đã xây dựng, thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành thực hiện trên 4.280 văn bản các loại. Trong đó có các văn bản quan trọng sau:

- 01 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cùng 09 Nghị quyết của HĐQT;
- 01 Nghị quyết của Hội nghị người lao động; 15 Nghị quyết liên tịch giữa chuyên môn với Công đoàn;
- 01 Kế hoạch SXKD năm 2022; 12 Kế hoạch SXKD tháng, quý; 01 giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021;
- 14 quy định, quy chế về quản lý, quản trị;
- 01 Phương án thực hiện 3 tại chỗ trong tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp;
- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015.
- Ngoài ra còn rất nhiều các Chỉ thị, Quyết định phục vụ các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

3.3. Công tác triển khai thực hiện:

- Trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy chế, quy định, nội quy, nghị quyết, chỉ thị, qua đó từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB, CN, NLĐ.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có những hạn chế: Việc tổ chức thực hiện xây dựng, ban hành một số nội quy, quy chế còn chậm; Việc nắm bắt, thực hiện các nội dung quy định, quy chế có lúc chưa kịp thời.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NLĐ

4.1. Công tác Thi đua - Khen thưởng:

a. Các nội dung, mục tiêu thi đua trong năm 2021:

Công tác thi đua đã tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2021 với nhiều hình thức đổi mới, thiết thực. Một số nội dung cụ thể:

- Thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tháng, quý, năm;
- Thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thi đua đảm bảo an toàn, giữ vững môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”;
- Thi đua hưởng ứng Tháng Công nhân;

- Thi đua học tập nâng cao trình độ tay nghề đạt danh hiệu Bàn tay vàng, Kỹ sư giỏi, Chiến sỹ thi đua;

- Thi đua chào mừng ngày thành lập Công ty, chào mừng ngày Truyền thống Công nhân Mỏ - Truyền thống ngành Than;

- Thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

b. Kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung, chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLD năm 2021:

- Các danh hiệu thi đua: cụ thể tại mục VI;

- Đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích với tổng số tiền thưởng năm 2021: 3.071 triệu đồng.

4.2. Kỷ luật lao động:

Trong năm 2021 có một số trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm theo đúng Nội quy lao động của Công ty:

- NLD vi phạm Điều 37 (tự ý bỏ việc không có lý do chính đáng trong nhiều ngày) bị kỷ luật với hình thức sa thải: 04 người.

- NLD vi phạm Điều 34, 35 (không thực hiện đúng các quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty và không quản lý chặt chẽ, dẫn tới NLD thuộc quyền quản lý của mình gây thiệt hại cho Công ty) bị kỷ luật với hình thức Khiển trách: 05 người và hình thức Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng: 04 người.

V. CÔNG TÁC THU, CHI CÁC QUỸ VÀ TRÍCH NỘP BHXH

Năm 2021 Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể: *Đơn vị tính: đồng*

| TT | Nội dung | Quỹ Hoạt động xã hội | Quỹ Khen thưởng | Quỹ Phúc lợi |
|----|---------------------------|----------------------|-----------------|---------------|
| 1 | Năm trước chuyển sang | 389.391.446 | (42.402.164) | 541.662.367 |
| 2 | Thu năm 2021 | 1.061.702.348 | 2.645.544.000 | 661.586.000 |
| 3 | Chi năm 2021 | 1.026.496.800 | 2.106.920.000 | 1.169.700.000 |
| 4 | Số dư tại ngày 31/12/2021 | 424.596.994 | 496.221.836 | 33.548.367 |

Thực hiện việc trích, nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, KPĐ đúng, đủ với tổng số tiền: 13.982.479.780 đồng.

VI. KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NLD NĂM 2021

Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn diện các mặt sản xuất, công tác, mục tiêu Nghị quyết Hội nghị NLD năm 2021.

Về chỉ tiêu doanh thu đạt 2.070,486/1.456 tỷ đồng, bằng 142% KH.

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận trước thuế đạt 12,7/11 tỷ đồng, bằng 115,64% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 21,838 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 10.209.000 đ/KH 8.880.000 đ đồng/người/tháng, bằng 115% KH.

Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “ **An toàn - Phát triển - Hiệu quả**”; Đẩy mạnh các hoạt động VH TT trong

CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

* Kết quả công thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2021. Cụ thể như sau:

- Công tác sáng kiến đạt 70/80 chỉ tiêu sáng kiến, đạt 86%;
- Đơn vị về trước kế hoạch đạt 2/3 đơn vị, đạt 67%;
- Tổ đội về trước kế hoạch đạt 24/25 tổ, đạt 96%;
- Tổ lao động tiên tiến đạt 56/60 tổ, đạt tỷ lệ 93,3%;
- Tổ đội lao động xuất sắc đạt 37/45 tổ, đạt 82.2%;
- Cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 714/792 tổng số lao động, chiếm tỷ lệ 90,2%, vượt 10,2% so với Nghị quyết;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở đạt 117/110 người, đạt tỷ lệ 106,4%;
- Kỹ sư giỏi đạt 08/KH 12 người, đạt 67%;
- Công nhân đạt danh hiệu bàn tay vàng đạt 74/KH 70 người, đạt 105,7%;

* Công ty đang đề nghị xét tặng các danh hiệu:

- Chiến sỹ thi đua cấp Tập đoàn: 25 người;
- Chiến sỹ thi đua Ủy ban QLV: 08 người;
- Bằng khen Ủy ban QLV: 04 tổ đội, phân xưởng; 06 người;
- Bằng khen Thủ tướng chính phủ: 02 người;
- Bằng lao động sáng tạo: 06 người;
- Huân chương lao động Hạng 3: 01 người.

Năm 2021 Công đoàn Công ty vinh dự được đón nhận: Cờ thi đua xuất sắc toàn diện năm 2021 của Công đoàn TKV; Doanh nghiệp vì Người lao động năm 2021 do Công đoàn TKV trao tặng; Bằng khen chuyên đề “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty vinh dự được Đoàn than Quảng Ninh trao tặng Giấy khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021, dẫn đầu Khối cơ khí.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2021, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, do đó thực hiện đạt vượt mức, đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc tạo được sự tin tưởng, sự đồng thuận cao của NLĐ.

Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD vẫn còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phấn đấu hoàn thành kế hoạch của năm 2022.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng.

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao.

- Kết quả thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả năm 2021, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2022.

1.2. Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Công tác khai thác và tìm kiếm việc làm sẽ gặp khó khăn trong và ngoài TKV (do khả năng cạnh tranh của Công ty còn hạn chế, việc tham gia các dự án lớn ngày càng khó khăn,...vv);

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Thiết bị của Công ty phần lớn lạc hậu, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp trong khi môi trường SXKD ngày càng chặt chẽ, yêu cầu và tiêu chuẩn về hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu: 1.568 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.560,3 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 1.600 tỷ đồng;

- Giá trị sản xuất: 495,963 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 500 tỷ đồng;

- Lợi nhuận: 12 tỷ đồng;

- Lao động bình quân theo định mức: 860 người;

- Tiền lương bình quân: 9,141 triệu đồng/người/tháng;

- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 29,621 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: $\leq 7,75$ lần;
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt

- Công tác tuyển dụng: Rà soát, hiệu chỉnh Quy chế Tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với Bộ luật lao động năm 2019, Luật việc làm, Quy định, Hệ thống Thang lương, bảng lương mới; xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2816/QĐ-VMC ngày 08/10/2019 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty; Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên.

- Triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 - 2025.

3.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường

- Đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, tiếp tục chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác có hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc JSCAST, phần mềm quản lý nhân lực, phần mềm quản lý vật tư; các thiết bị CNC; sửa chữa nâng cấp hệ thống điện bằng hệ thống điều khiển bằng PLC, lắp đặt thêm hệ thống hiển thị số,...vv). Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư.

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử,...vv.

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Nghiên cứu phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy xúc lật hông,...); Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ,...vv).

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng.

- Công tác cơ điện và sửa chữa nội bộ: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Tăng cường dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (cán thép, cột chống, máy công cụ,...vv); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời.

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật BVMT, Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, tự giác theo tiêu chí 5S; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán thép, PX Đúc,...vv).

3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

Giữ vững, đồng thời nắm bắt cơ hội để phát triển mở rộng sản phẩm và thị trường trong TKV, đồng thời phát triển mạnh mẽ thị trường ngoài ngành.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả về các giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực, kỹ thuật công nghệ, đảm bảo chất lượng là tiền đề vững chắc cho công tác thị trường. Tiếp tục kiện toàn lực lượng nòng cốt, đẩy mạnh phân công, giao các chỉ tiêu cụ thể về doanh thu, sản lượng; Nâng cao chất lượng, trình độ, kỹ năng cho cán bộ làm công tác thị trường.

3.3.1. Đối với thị trường truyền thống trong TKV

- Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị.

Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2022 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv.

- Các mỏ khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất thép chống lò, cột chống các loại đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị trong TKV.

- Các đơn vị kho vận, chế biến: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

3.3.2. Thị trường khác trong và ngoài TKV

- Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai,...vv. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

- Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Tập đoàn Hòa Phát, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

3.3.3. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2022, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2022 với mục tiêu **AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CD (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 | Tình hình thực hiện KH | | So sánh (%) | |
|------------|---------------------------------------|-------------|-------------------|------------------------|--------------|-------------|-------------|
| | | | | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2020 | KH năm 2021 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7=6/5) | (8=6/4) |
| I | Sản phẩm chủ yếu | | | | | | |
| I.1 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | 59 | 62 | 70 | 113 | 119 |
| 1 | Xe gạt D85A, khác | cái | 6 | 8 | 6 | 75 | 100 |
| 2 | Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u | cái | 10 | 10 | 8 | 80 | 80 |
| 3 | Máy xúc nhỏ | cái | 15 | 12 | 12 | 100 | 80 |
| 3 | Máy khoan xoay cầu CBIII | cái | 8 | 8 | 7 | 88 | 88 |
| 4 | Máy khoan các loại | cái | 2 | 3 | 2 | 67 | 100 |
| 6 | Xe máy, các thiết bị khác | cái | 18 | 21 | 35 | 167 | 194 |
| I.2 | Chế tạo thiết bị | tấn | 1.500 | 1.134 | 1.414 | 125 | 94 |
| 1 | Thiết bị ngành than | tấn | 600 | 325 | 441 | 136 | 73 |
| | Trong đó: | | | | | | |
| * | Chế tạo xe goòng 3T | xe | 50 | 40 | | - | - |
| * | Cột chống thủy lực | cột | 6.000 | 6.235 | 6.447 | 103 | 107 |
| * | Giá chuyển hướng toa xe 30T | cụm | | | 20 | | |
| * | Máy xúc VMC 500 | máy | 2 | | | | - |
| 2 | Chế tạo thiết bị theo dự án trong TKV | tấn | 400 | 482 | 403 | 84 | 101 |
| 3 | Thiết bị ngành khác | tấn | 500 | 327 | 570 | 174 | 114 |
| I.3 | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | | 1.600 | 1.149 | 2.931 | 255 | 183 |
| 1 | Chế tạo phụ tùng ngành than | tấn | 600 | 311 | 370 | 119 | 62 |
| 2 | Chế tạo phụ tùng ngành khác | tấn | 500 | 423,8 | 2.205 | 520 | 441 |
| 3 | Phục hồi phụ tùng | tấn | 500 | 414 | 361 | 87 | 72 |
| 4 | Sản xuất vít chống lò | tấn | 33.500 | 34.891 | 36.794 | 105 | 110 |
| 5 | Thép chống lò | tấn | 80.000 | 80.848 | 85.435 | 106 | 107 |

| | | | | | | | |
|-------------|-------------------------------------------------|------|------------------|------------------|------------------|------------|------------|
| | <i>Tr.đó: bán trong than</i> | | 46.500 | 45.659 | 50.663,0 | 111 | 109 |
| I.4 | Sản xuất và kinh doanh khác | tr.đ | 11.175 | 79.962,00 | 34.581 | 43 | 309 |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | tr.đ | 1.600 | 1.778 | 488 | 27 | 30 |
| | Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 8.000 | 76.880 | 32.829 | 43 | 410 |
| | Sản xuất ô xy, Ni tơ | tr.đ | 1.575 | 1.304 | 1.264 | 97 | 80 |
| II | Doanh thu | tr.đ | 1.456.000 | 1.494.693 | 2.070.185 | 139 | 142 |
| II.1 | Doanh thu sản xuất cơ khí | tr.đ | 1.444.325 | 1.412.287 | 2.034.703 | 144 | 141 |
| | Bán trong ngành than | tr.đ | 1.401.825 | 1.384.109 | 1.979.804 | 143 | 141 |
| | Bán ngoài ngành than | tr.đ | 42.500 | 28.178 | 54.898 | 195 | 129 |
| II.2 | Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác | tr.đ | 11.175 | 79.962 | 34.581 | 43 | 309 |
| 1 | XDCB tự làm và vật liệu xây dựng | tr.đ | 1.600 | 1.778 | 488 | 27 | 31 |
| 2 | Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 8.000 | 76.880 | 32.829 | 43 | 410 |
| 3 | Sản xuất ô xy, Ni tơ | tr.đ | 1.575 | 1.304 | 1.264 | 97 | 80 |
| II.3 | Doanh thu tài chính, khác | tr.đ | 500 | 2.444 | 901 | 37 | 180 |
| III | Giá vốn | tr.đ | 968.593 | 953.319 | 1.488.742 | 156 | 154 |
| 1 | Giá vốn phôi thép và thép chống lò + Dự án TTHG | tr.đ | 961.073 | 881.614 | 1.464.374 | 166 | 152 |
| 2 | Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị. | tr.đ | 7.520 | 71.705 | 24.368 | 34 | 324 |
| IV | Giá trị sản xuất | tr.đ | 486.908 | 538.930 | 580.542 | 107 | 119 |
| 1 | Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép lò) | tr.đ | 483.253 | 530.673 | 570.329 | 107 | 118 |
| 2 | Sản xuất và dịch vụ khác | tr.đ | 3.655 | 8.257 | 10.213 | 124 | 279 |
| | + Sản xuất VLXD | tr.đ | 1.600 | 1.778 | 488 | 27 | 31 |
| | + Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 480 | 5.175 | 8.461 | 163 | 1.761 |
| | + Sản xuất ô xy, ni tơ | tr.đ | 1.575 | 1.304 | 1.264 | 97 | 80 |
| V | Tổng chi phí sản xuất trong kỳ | tr.đ | 1.445.000 | 1.482.550 | 2.057.464 | 139 | 142 |
| V.1 | Chi phí trung gian | tr.đ | 1.295.337 | 1.322.259 | 1.907.000 | 144 | 147 |

| | | | | | | | |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------|----------------|----------------|----------------|------------|------------|
| V.2 | Giá trị gia tăng | tr.đ | 132.912 | 144.647 | 150.464 | 103 | 112 |
| 1 | Tiền lương | tr.đ | 92.655 | 99.208 | 105.357 | 106 | 114 |
| | <i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i> | <i>tr.đ</i> | <i>2.089</i> | <i>2.089</i> | <i>2.298</i> | 100 | 110 |
| 2 | Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ | tr.đ | 13.631 | 14.346 | 13.982 | 97 | 103 |
| 3 | KHTSCĐ | tr.đ | 26.627 | 31.093 | 31.125 | 100 | 117 |
| V.3 | Chênh lệch đầu cuối kỳ | tr.đ | | | 95 | | |
| V.4 | Chi phí hoạt động tài chính | tr.đ | 16.751 | 15.644 | 15.091 | 96 | 90 |
| VI | Lợi nhuận | tr.đ | 11.000 | 12.143 | 12.271 | 105 | 116 |
| VII | Các chỉ tiêu về lao động tiền lương | | | | | | |
| 1 | Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX) | | 186 | 186 | 186,0 | 100 | 100 |
| 2 | Lao động bình quân theo định mức | Người | 870 | 860 | 860 | 100 | 99 |
| 3 | Tiền lương bình quân người lao động | 1000đ/ng/thg | 8.880 | 9.613 | 10.209 | 106 | 115 |
| | <i>Trong đó: Tiền lương bình quân người lao động</i> | 1000đ/ng/thg | | 9.477 | 10.056 | | |
| | <i>Tiền lương bình quân VCQL</i> | 1000đ/ng/thg | | 29.014 | 31.915 | | |
| VIII | Nộp ngân sách | tr.đ | 26.237 | 16.505 | 21.886,4 | 132 | 83 |

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Số đầu năm | Số cuối năm |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 354.529.110.622 | 371.056.521.309 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.214.510.706 | 1.600.899.528 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 202.198.063.206 | 257.756.586.587 |
| III. Hàng tồn kho | 142.629.055.862 | 103.026.463.473 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 7.487.480.848 | 8.098.354.763 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 192.919.273.682 | 176.288.785.152 |
| I. Tài sản cố định | 173.141.489.397 | 157.841.844.670 |
| II. Tài sản dài hạn khác | 19.615.406.362 | 18.446.940.482 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 547.448.384.304 | 547.345.306.461 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 485.441.856.419 | 482.784.119.407 |
| I. Nợ ngắn hạn | 458.197.181.568 | 459.735.228.032 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 238.847.578.315 | 228.126.757.032 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 932.749.235 | 8.942.821.927 |
| 3. Phải trả người lao động | 22.573.169.428 | 29.301.131.454 |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 182.303.421.642 | 171.543.913.595 |
| II. Nợ dài hạn | 27.244.674.851 | 23.048.891.375 |
| Trong đó: | | |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 24.200.338.652 | 20.569.060.652 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 800.000.000 | 800.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 62.006.527.885 | 64.561.187.054 |
| I. Vốn chủ sở hữu | | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 46.973.510.000 | 46.973.510.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 2.983.206.113 | 2.983.206.113 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 11.435.690.772 | 13.404.470.941 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 547.448.384.304 | 547.345.306.461 |

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------|------------|------------------|----------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i> | <i>(3)</i> | <i>(4)</i> | <i>(5)</i> |
| I | Sản phẩm chủ yếu | - | | |
| 1 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | 54 | |
| | - Sửa chữa xe gạt D85A, D7R... | Máy | 6 | |
| | - Máy xúc EKG 4,6-5A, 8Ỗ, 10m3 | Máy | 8 | |
| | - Máy xúc thủy lực các loại, máy xúc đá trong lò, máy xúc lật... | Máy | 10 | |
| | - Máy khoan xoay cầu | Máy | 7 | |
| | - Máy khoan thủy lực các loại | Máy | 3 | |
| | - Sửa chữa thiết bị khác | Máy | 20 | |
| 2 | Chế tạo thiết bị | Tấn | 1.300 | |
| | - Chế tạo thiết bị ngành than | Tấn | 500 | |
| | Trong đó: | | | |
| | + <i>Chế tạo máy xúc lật hông VMC</i> | <i>Máy</i> | <i>2</i> | |
| | + <i>Dàn chống thủy lực di động</i> | <i>Dàn</i> | <i>0</i> | |
| | + <i>Cột chống thủy lực</i> | <i>Cột</i> | <i>6.000</i> | |
| | + <i>Chế tạo xe gòong 3T</i> | <i>Xe</i> | <i>50</i> | |
| | - Chế tạo TB các dự án trong TKV | Tấn | 300 | |
| | - Chế tạo thiết bị ngành khác | Tấn | 500 | |
| 3 | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | Tấn | 1.300 | |
| | - Chế tạo phụ tùng ngành than | Tấn | 400 | |
| | - Chế tạo phụ tùng ngành khác | Tấn | 500 | |
| | - Phục hồi phụ tùng | Tấn | 400 | |
| 4 | Chế tạo, cán thép SVP | | | |
| | - Chế tạo vì lò | Tấn | 34.000 | |
| | - Cán thép vì chống lò | Tấn | 81.000 | |
| | <i>Trong đó: Bán ra</i> | <i>Tấn</i> | <i>47.000</i> | |
| 5 | Sản xuất và kinh doanh khác | Tr.đ | 7.200 | |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | Tr.đ | 1.000 | |
| | Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 5.000 | |
| | Sản xuất Ô xy - Ni tơ | Tr.đ | 1.200 | |
| II | Doanh thu | Tr.đ | 1.568.000 | |
| 1 | Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí | Tr.đ | 1.560.300 | |
| | - Bán trong ngành than | Tr.đ | 1.520.300 | |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2022 | Ghi chú |
|-------------|------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | - Bán ngoài ngành than | Tr.đ | 40.000 | |
| 2 | Doanh thu SX và kinh doanh khác | Tr.đ | 7.200 | |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | Tr.đ | 1.000 | |
| | Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 5.000 | |
| | Sản xuất Ô xy - Ni tơ | Tr.đ | 1.200 | |
| 3 | Doanh thu hoạt động TC & khác | Tr.đ | 500 | |
| III | Giá vốn | Tr.đ | 1.071.537 | |
| | - Giá vốn phối thép cán | Tr.đ | 1.067.037 | |
| | - Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính | Tr.đ | 4.500 | |
| IV | Giá trị sản xuất | Tr.đ | 495.963 | |
| | <i>Giá trị sản xuất cơ khí</i> | Tr.đ | 493.263 | |
| | <i>Sản xuất, dịch vụ khác</i> | Tr.đ | 2.700 | |
| | + Sản xuất VLXD | Tr.đ | 1.000 | |
| | + Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 500 | |
| | + Sản xuất Ô xy, ni tơ | Tr.đ | 1.200 | |
| V | Tổng chi phí sản xuất trong kỳ | Tr.đ | 1.556.000 | |
| V.1 | Chi phí trung gian | Tr.đ | 1.406.026 | |
| | Nguyên vật liệu | Tr.đ | 1.231.802 | |
| | Nhiên liệu | Tr.đ | 45.690 | |
| | Động lực | Tr.đ | 23.728 | |
| | Chi phí khác | Tr.đ | 85.071 | |
| | Chi phí thuê ngoài | Tr.đ | 19.735 | |
| V.2 | Giá trị gia tăng (GDP) | Tr.đ | 131.856 | |
| | Khấu hao tài sản | Tr.đ | 23.508 | |
| | Tiền lương | Tr.đ | 94.339 | |
| | <i>Trong đó: VCQL</i> | Tr.đ | 2.090 | |
| | Bảo hiểm xã hội, y tế, công đoàn | Tr.đ | 14.009 | |
| V.3 | Chênh lệch đầu cuối kỳ | Tr.đ | - | |
| V.4 | Chi phí hoạt động TC | Tr.đ | 18.118 | |
| VI | Lợi nhuận | Tr.đ | 12.000 | |
| | <i>Tỷ lệ LN/VCSH</i> | % | 17,13 | |
| VII | Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương | | | |
| 1 | Lao động định mức | người | 860 | |
| | <i>Trong đó (VCQL)</i> | người | 6 | |
| 2 | Tiền lương bình quân doanh nghiệp | 1000đ/ng/th | 9.141 | |
| VIII | Cổ tức | % | 10 | |
| IX | Nộp ngân sách | | 20.362 | |

Số: 827/BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2021

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2022 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, năm 2021 không có thay đổi về nhân sự, chức danh, cụ thể như sau:

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC DANH | CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG |
|----|------------------|-------------------------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Tứ | Chủ tịch HĐQT | Kiểm nhiệm |
| 2 | Phạm Minh Tuấn | Thành viên HĐQT – GD Công ty | Kiểm nhiệm |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty | Kiểm nhiệm |
| 4 | Lê Viết Sự | Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty | Kiểm nhiệm |
| 5 | Nguyễn Anh Chung | Thành viên HĐQT | Kiểm nhiệm |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận đề kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2021, HĐQT Công ty đã họp 09 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 09 Nghị quyết, 03 Quy chế và 09 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021; HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch điều chỉnh.

(Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 như Giám đốc Công ty đã báo cáo trước Đại hội).

2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----|-----------------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 65 | 68 |
| | - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 35 | 32 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 89 | 88 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | lần | 11 | 12 |
| | - Nợ phải trả/ Vốn CSH | lần | 7,90 | 7,62 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,46 | 0,56 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 0,77 | 0,81 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 1,77 | 1,85 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 0,64 | 0,49 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 15,64 | 15,72 |

Trong năm 2021, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất.

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Thông qua và ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ, chức danh Giám đốc Công ty nhiệm kỳ II đối với ông Phạm Minh Tuấn.

+ Xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

+ Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế ban hành, qua đó đã miễn nhiệm, không bổ nhiệm lại 01 cán bộ là Phó Quản đốc Phân xưởng do không đạt yêu cầu.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2021 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, đào tạo cập nhật kiến thức về đầu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.5. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 17.811/18.305 triệu đồng, tương ứng 97 % kế hoạch.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2021, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây,... hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Năm 2021, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Tình hình chung

Trong những năm tiếp theo được dự báo nhân lực, việc làm, vốn và thị trường; cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phân đầu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường

từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2022

- Doanh thu: 1.568 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 495,963 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 12 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 860 người;
- Tiền lương bình quân: 9,141 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 29,621 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: $\leq 7,75$ lần;
- Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Giải pháp tập chung thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa – Tự động hóa – Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

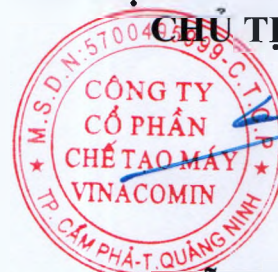
Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2021. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2022./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 829/BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được Đại hội đồng Cổ đông sửa đổi thông qua ngày 28/4/2021;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được kiểm toán và soát xét.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021:

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN. Số liệu cụ thể được thể hiện trên các báo cáo sau đây:

1. Bảng cân đối kế toán

| STT | CHỈ TIÊU | SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2021 | SỐ CUỐI KỲ 31/12/2021 |
|------------|-------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| A | Tài sản ngắn hạn | 354.529.110.622 | 371.056.521.309 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.214.510.706 | 1.600.899.528 |
| 1 | Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng | 2.214.510.706 | 1.600.899.528 |
| II | Các khoản phải thu ngắn hạn | 202.198.063.206 | 257.756.568.587 |
| 1 | Nợ phải thu khách hàng | 213.639.899.003 | 265.751.426.742 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 285.120.000 | 4.103.230.746 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 5.181.818 | - |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 21.059.500.804 | 20.395.939.072 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (32.791.638.419) | (32.494.027.973) |
| III | Hàng tồn kho | 142.629.055.862 | 103.026.463.473 |
| 1 | Hàng tồn kho | 142.750.016.177 | 103.131.341.290 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (120.960.315) | (104.877.817) |
| IV | Tài sản ngắn hạn khác | 7.487.480.848 | 8.672.589.721 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 7.487.480.848 | 8.098.354.763 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | - | 574.234.958 |
| B | Tài sản dài hạn | 192.919.273.682 | 176.288.785.152 |

| STT | CHỈ TIÊU | SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2021 | SỐ CUỐI KỲ 31/12/2021 |
|------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| I | Tài sản cố định | 173.141.489.297 | 157.841.844.670 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 171.633.274.786 | 156.934.240.409 |
| | - Nguyên giá | 560.614.520.368 | 577.004.394.563 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (388.981.245.582) | (420.070.154.154) |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 1.508.214.611 | 907.604.261 |
| | - Nguyên giá | 2.228.444.170 | 2.228.444.170 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (720.229.559) | (1.320.839.909) |
| II | Tài sản dở dang dài hạn | 162.377.923 | - |
| 1 | Chi phí XDCB dở dang | 162.377.923 | - |
| III | Tài sản dài hạn khác | 19.615.406.362 | 18.446.940.482 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 19.615.406.362 | 18.446.940.482 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 547.448.384.304 | 547.345.306.461 |
| C | Nợ phải trả | 485.441.856.419 | 482.784.119.407 |
| I | Nợ ngắn hạn | 458.197.181.568 | 459.735.228.032 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 182.303.421.642 | 171.543.913.595 |
| 2 | Phải trả người bán ngắn hạn | 238.847.578.315 | 228.126.757.032 |
| 3 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 81.596.743 | 331.250.739 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 932.749.235 | 8.942.821.927 |
| 5 | Phải trả người lao động | 22.573.169.428 | 29.301.131.454 |
| 6 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 475.766.084 | 14.961.090.123 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 10.835.135.161 | 4.340.246.404 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 1.504.187.451 | 1.457.009.249 |
| 10 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 643.577.509 | 731.007.509 |
| II | Nợ dài hạn | 27.244.674.851 | 23.048.891.375 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 24.200.338.652 | 20.569.060.652 |
| 2 | Dự phòng phải trả dài hạn | 2.244.336.199 | 1.679.830.723 |
| 3 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 800.000.000 | 800.000.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 62.006.527.885 | 64.561.187.054 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 61.392.406.885 | 63.361.187.054 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 46.973.510.000 | 46.973.510.000 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 2.983.206.113 | 2.983.206.113 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 11.435.690.772 | 13.404.470.941 |
| | - LNST chưa phân phối năm trước | 1.736.213.519 | 3.257.989.772 |
| | - LNST chưa phân phối kỳ này | 9.699.477.253 | 10.146.481.169 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 614.121.000 | 1.200.000.000 |
| 1 | Nguồn kinh phí | 614.121.000 | 1.200.000.000 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 547.448.384.304 | 547.345.306.461 |

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.492.249.238.762 | 2.069.283.929.275 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ | 1.492.249.238.762 | 2.069.283.929.275 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1.386.855.235.735 | 1.961.790.214.233 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 105.394.003.027 | 107.493.715.042 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 20.469.331 | 5.139.092 |
| 7 | Chi phí tài chính | 15.463.507.983 | 15.090.549.313 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>14.113.581.047</i> | <i>14.438.069.012</i> |
| 8 | Chi phí bán hàng | 9.313.567.063 | 6.628.847.399 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 70.227.946.860 | 73.791.225.627 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 10.229.450.452 | 11.988.231.795 |
| 11 | Thu nhập khác | 2.423.156.304 | 895.943.668 |
| 12 | Chi phí khác | 509.120.307 | 163.464.473 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 1.914.035.997 | 732.479.195 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.143.486.449 | 12.720.710.990 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.444.009.196 | 2.574.229.821 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 9.699.477.253 | 10.146.481.169 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP) | 2.065 | 2.160 |

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----|-----------------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 65 | 68 |
| | - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 35 | 32 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 89 | 88 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | lần | 11 | 12 |
| | - Nợ phải trả/ Vốn CSH | lần | 7,90 | 7,62 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,46 | 0,56 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 0,77 | 0,81 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 1,77 | 1,85 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 0,64 | 0,49 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 15,64 | 15,72 |

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm tài chính 2021, cổ tức của Công ty dự kiến chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 10%, việc trích lập các quỹ, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 lúc đó Công ty mới thực hiện chia cổ tức và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các Cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS



Số: 828 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 1148/QC-BKS ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2022 kết quả giám sát trên các mặt hoạt động đối với nhiệm vụ SXKD năm 2021 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2021 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ban hành theo Quyết định số 1148/BKS-VMC ngày 28/04/2021; Tham gia vào việc góp ý, xây dựng Quy chế tài chính, quý chế quản lý nợ của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, việc triển khai kế hoạch đầu tư;

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021; Tình hình thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn các công ty TKV;

- Giám sát việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá đúng mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng để có giải pháp điều hành sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;
- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất; việc quản lý công nợ và tình hình trích lập dự phòng;
- Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán hàng và mua hàng, tình hình cho vay mượn hàng hóa khi chưa hoàn tất các thủ tục bán hàng đối với một số đơn vị.
- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài chính tại Chi nhánh Công ty theo các quý;
- Thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính các quý trong năm 2021 và báo cáo tài chính kết thúc năm 2020 để lập báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021.

Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty, thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, thực hiện theo kế hoạch kiểm soát đã được xây dựng từ đầu năm 2021.

Trong quá trình kiểm tra giám sát, Ban Kiểm soát đã có ý kiến, kiến nghị đối với Ban Giám đốc về các lĩnh vực như công-tác điều hành sản xuất, công tác bán hàng và ghi nhận doanh thu, công tác quản trị chi phí sản xuất đều được Ban Giám đốc ghi nhận và điều chỉnh theo ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Đối với các lĩnh vực quản lý khác như đầu tư, quản lý công nợ phải thu, quản trị chi phí, Ban kiểm soát đều có ý kiến trong báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát gửi HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát nội bộ TKV.

Với các hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2021, Ban Kiểm soát khẳng định việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất đối với Công ty trong năm 2021 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, góp phần vào thành quả chung của Công ty là sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021

Kết quả giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 thông qua các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|-------------|--------------------------|--------------------|-----------|
| 1. Doanh thu | Tr.đ | 1.456.000 | 2.070.185 | 142 |
| 2. Giá trị sản xuất | Tr.đ | 486.908 | 580.542 | 119 |
| 3. Tổng quỹ tiền lương | Tr.đ | 92.655 | 105.357 | 114 |
| 4. Thu nhập bình quân | Tr.đ/ng/thg | 8.880 | 10.209 | 115 |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 11.000 | 12.721 | 116 |
| 6. Cổ tức dự kiến | % | 10 | 10 | 100 |

2. Giám sát về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT

- Trong năm 2021 HĐQT thực hiện chức năng quản lý và điều hành Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định;

- HĐQT ban hành 09 Nghị quyết, 03 Quy chế và 09 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 đề ra;

- Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quyết định như: Quyết định số 1145/QĐ-VMC ngày 28/4/2021 V/v Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN; Quyết định số 1146/QĐ-VMC ngày 28/04/2021 V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quyết định số 1147/QĐ-VMC ngày 28/4/2021 của HĐQT V/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quyết định số 918/QĐ-VMC ngày 8/4/2021 V/v ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN.

Đánh giá về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT trong năm 2021

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2021 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng kế hoạch công tác theo lĩnh vực được phân công, chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trong việc điều hành sản xuất và các mặt quản lý tại Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra như Doanh thu, giá trị sản xuất, tổng quỹ tiền lương, lợi nhuận đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo kế hoạch. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức đều đạt và vượt so với kế hoạch, vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn;

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2021 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá rất cao những nỗ lực, sự năng động của từng thành viên HĐQT trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nhiệm vụ được phân công trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty ổn định và bền vững. Tập thể các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty đúng pháp luật và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

3. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT từng kỳ họp để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành Quyết định số 01 ngày 02/01/2021 V/v Ban hành các giải pháp chỉ đạo và điều hành thực hiện KHSXKD năm 2021; Quyết định số 02 ngày 02/01/2021 V/v Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2021 của các đơn vị trong Công ty và nhiều quyết định điều hành khác có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất của Công ty;

- Tiếp tục điều hành có hiệu quả giải pháp nâng cao dây chuyền cán thép; các giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty để chủ động điều hành theo nhu cầu của thị trường; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi phí bằng tiền khác;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động khai thác tốt công việc từ ngoài ngành than, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong TKV để thực hiện tốt hợp đồng phối hợp kinh doanh về sửa chữa thiết bị, về chế tạo phụ tùng cơ khí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty luôn được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu theo KH PHKD như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh (%) TH/KH |
|----------|------------------------------------------|------------|------------------|-------------------|-------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Chế tạo thiết bị | | 1.500 | 1.414 | 94 |
| | - Thiết bị ngành than | Tấn | 600 | 441 | 73 |
| | + Cột chống thủy lực các loại | Cột | 6.000 | 6.447 | 107 |
| | + Giá chuyển hướng toa xe 30 T | Cụm | - | 20 | |
| | - Máy xúc VMC 500 | Máy | 2 | - | |
| | - Xe goòng 3 tấn | Xe | 50 | - | |
| | - Thiết bị theo dự án trong TKV | Tấn | 400 | 403 | 101 |
| | - Thiết bị khác | Tấn | 500 | 570 | 114 |
| 2 | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | | 1600 | 2.936 | 183 |
| | - Phụ tùng ngành than | Tấn | 600 | 370 | 62 |
| | - Phụ tùng khác | Tấn | 500 | 2.205 | 441 |
| | - Phục hồi phụ tùng | Tấn | 500 | 361 | 72 |
| 3 | Sản xuất thép cán và vít chống lò | | | | |
| | - Vít chống lò các loại | Tấn | 33.500 | 36.794 | 110 |
| | - Thép cán vít lò | Tấn | 80.000 | 85.435 | 107 |
| | <i>Trong đó: Bán ra</i> | <i>Tấn</i> | <i>46.500</i> | <i>50.663</i> | <i>109</i> |
| 4 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | 59 | 70 | 119 |
| | - Xe gạt các loại | Cái | 6 | 6 | 100 |
| | - Máy xúc 4,6; 5A; 8u | Cái | 10 | 8 | 80 |
| | - Máy xúc thủy lực các loại | Cái | 15 | 12 | 80 |
| | - Máy khoan xoay cầu | Cái | 8 | 7 | 88 |
| | - Máy khoan khác | Cái | 2 | 2 | 100 |
| | - Thiết bị khác | Cái | 18 | 35 | 194 |
| 5 | Doanh thu | Tr đ | 1.456.000 | 2.070.185 | 142 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đ | 11.000 | 12.720 | 116 |
| 7 | Thu nhập bình quân (trđ/ng/thg) | Tr đ | 8.880 | 10.209 | 115 |
| 8 | Cổ tức dự kiến | % | 10 | 10 | 100 |
| 9 | Giá trị ĐTXDCB | Tr đ | 18.300 | 17.811 | 97 |

Ban Giám đốc trong năm 2021 đã thực hiện tốt chức năng chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT Công ty. Ban hành các giải pháp quản lý, điều hành sản xuất năm 2021 kịp thời, có hiệu quả, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra như: Về doanh thu, lợi nhuận, về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, hoàn thành các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và địa phương, đảm bảo thu nhập tiền lương cho người lao động được nâng cao, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông ở mức cao, vốn đầu tư của các cổ đông được sinh lời.

III. Giám sát các mặt hoạt động khác

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 62.006.527.885 đ

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 64.561.187.054 đ

Trong đó: Vốn điều lệ: 46.973.510.000 đ

Kết thúc năm tài chính 2021, vốn đầu tư của chủ sở hữu đã được bảo toàn, giá trị vốn của chủ sở hữu tăng so với đầu năm là 2.554.659.169 đ với tỷ lệ tăng là 4,1%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 16,01%.

2. Quản lý tài sản

- Tổng giá trị tài sản đến 31/12/2021: 547,34 tỷ đồng, giảm so năm 2020 là 103,07 triệu đồng.

- Đối với tài sản là vốn bằng tiền gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được kiểm soát chặt chẽ, không để số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng quá lớn trên tài khoản, tập trung ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn với các ngân hàng và khách hàng nhằm giảm dư nợ gốc vay và lãi phát sinh;

- Đối với khoản phải thu công nợ với khách hàng và phải thu công nợ khác: Công ty đã chủ động làm việc với các khách hàng để thanh toán tiền hàng và thường xuyên thông báo các khoản nợ của các đơn vị mua thép lò và vì chống lò với Tập đoàn nhờ thu hộ thông qua bù trừ công nợ hoặc chuyển tiền trực tiếp về tài khoản của Công ty.

- Nợ phải thu khó đòi: Trong năm Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi vào chi phí. Công ty đang tiếp tục làm việc với Công ty than Nam Mẫu về thu hồi hàng hóa cho vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 và làm việc với TKV, Tổng Công ty Điện lực - TKV về quyết toán với nhà thầu HPE Trung quốc để thu hồi số nợ nhà thầu chưa thanh toán.

3. Giám sát đối với công tác quản lý và sử dụng vật tư

Công ty xác định chỉ mua vật tư có trong kế hoạch sản xuất trong năm như phôi thép, phụ tùng sửa chữa các thiết bị mỏ, sắt thép chế tạo cột chống thủy lực các loại, vật tư cho khâu đúc và vật tư có liên quan đến các hợp đồng chế tạo thiết bị đã được ký với khách hàng.

Giá trị thực hiện mua sắm vật tư trong năm 2021: 1.721,27 tỷ đồng/ 1.746,49 tỷ đồng gồm có:

+ Vật tư mua trong TKV có hợp đồng: 1.514,68 tỷ đồng/1.519,3 tỷ đồng;

Trong đó mua phôi thép của Tổng Công ty Khoáng sản 91.007,9 tấn với giá trị 1.433,84 tỷ đồng, chiếm 83% tổng giá trị mua sắm vật tư trong năm 2021.

+ Vật tư mua ngoài TKV: 206,58 tỷ đồng/227,19 tỷ đồng. Trong đó:

- Giá trị vật tư mua ngoài có hợp đồng: 204,95 tỷ đồng / 227,19 tỷ đồng
- Giá trị vật tư mua ngoài không có hợp đồng: 1,55 tỷ đồng. Trong đó mua xăng dầu 1,25 tỷ đồng; vật tư nhỏ lẻ khác 302 triệu đồng.

Giá trị vật tư tồn kho NVL, CCDC, hàng hóa đến 31/12/2021 là 52,05 tỷ đồng;

Giá trị tồn kho vật tư đến thời điểm cuối năm 2021 đảm bảo tỷ lệ tồn kho ở mức thấp 3,12 % trên tổng số vật tư đã xuất dùng cho sản xuất trong năm, dưới mức yêu cầu điều hành quản lý tồn kho vật tư của TKV.

Đánh giá chung về công tác quản lý, sử dụng vật tư

Việc quản lý và sử dụng vật tư được tuân thủ theo quy chế quản lý vật tư của Công ty đã ban hành, vật tư được mua sắm phục vụ sản xuất thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Công ty. Khâu tổ chức mua sắm được thực hiện theo các bước trong quy chế quản lý vật tư của Công ty. Hội đồng giá Công ty chịu trách nhiệm về tính khách quan và sự phù hợp về số lượng cũng như giá cả của từng loại vật tư được mua sắm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của Công ty.

4. Giám sát thực hiện công tác sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ Công ty thực hiện theo Thông báo số 6118/TKV-KH ngày 23/12/2020, giá trị SCL được thực hiện gồm các công trình sửa chữa sau:

| TT | Tên công trình | Kế hoạch (đồng) | Thực hiện (đồng) |
|------------|----------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Tổng số | 14.300.000.000 | 13.205.571.078 |
| I | Tự làm | 900.000.000 | 812.714.737 |
| 1 | Cầu trục dầm kép 10T No 2196 | 250.000.000 | 240.286.924 |
| 2 | Cầu trục dầm kép 10T No 2688 | 250.000.000 | 238.066.970 |
| 3 | Cầu trục dầm kép 10T No 1350 | 400.000.000 | 334.360.843 |
| II | Thuê trong TKV | 1.050.000.000 | 914.228.355 |
| 4 | Ô tô đầu kéo DAEWOO+ Rơ mc | 650.000.000 | 563.694.385 |
| 5 | Xe ô tô 4,5T 14C-0739 | 400.000.000 | 350.533.970 |
| III | Thuê ngoài TKV | 12.350.000.000 | 11.478.627.986 |
| 6 | Máy doa ngang | 1.000.000.000 | 643.689.500 |
| 7 | Hệ thống xử lý khói bụi | 1.300.000.000 | 943.344.500 |
| 8 | Hệ thống mạ điện | 3.000.000.000 | 2.554.586.000 |
| 9 | Máy phá khuôn No 054B5 | 700.000.000 | 747.546.500 |
| 10 | Máy bào giường 7112 | 1.200.000.000 | 1.067.537.500 |
| 11 | Máy tiện đứng | 800.000.000 | 701.944.500 |
| 12 | Xe ô tô cần cẩu | 1.200.000.000 | 1.070.513.500 |
| 13 | Xe tải ISUZU 14M – 0660 | 400.000.000 | 366.357.800 |
| 14 | Nhà xưởng No 2 | 1.950.000.000 | 1.735.903.186 |
| 15 | Hệ thống nắn thẳng nhiệt luyện xi lanh | | 1.647.205.000 |
| 16 | Máy phay răng | 800.000.000 | - |

Kết thúc năm 2021, giá trị sửa chữa lớn theo KH thực hiện hoàn thành theo quyết toán 13.205,57 tr đồng/14.300 tr đồng, bằng 92,3% KH; Số lượng các công trình sửa chữa thực hiện 15/16 công trình.

Công ty đã phân bổ chi phí SCL TSCĐ vào giá thành theo đúng tiêu thức phân bổ và thời gian sử dụng của TSCĐ đã được sửa chữa.

Đánh giá về công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2021

Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 6118/TKV-KH ngày 23/12/2020 của TKV v/v thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2021. Việc lập dự toán, phê duyệt quyết toán sửa chữa lớn, xét chọn đơn vị sửa chữa, nghiệm thu bàn giao đưa tài sản sau sửa chữa lớn vào hoạt động và phân bổ các chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2021 được thực hiện theo đúng quy định, đúng chế độ.

5. Giám sát tình hình quản lý và thực hiện đầu tư năm 2021

Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021 được TKV Thông báo điều chỉnh theo Công văn số 4813/TKV-ĐT ngày 08/10/2021 V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2021 điều chỉnh. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 đạt 17.811 triệu đồng/18.305 triệu đồng bằng 97,3 % kế hoạch năm.

Số lượng công trình, hạng mục đầu tư trong năm 2021 Công ty thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt góp phần vào việc tăng thêm năng lực sản xuất cho Công ty và tạo đà cho phát triển sản xuất của Công ty trong những năm tiếp theo.

| TT | Tên công trình | KHĐT năm 2021 điều chỉnh TB số 4813/TKV- ĐT ngày 8/10/2021 | Thực hiện đến 31/12/2021 | Tỷ lệ %TH/KH |
|-----------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|
| | TỔNG (A+B) | 18.305 | 17.811 | 97,3 |
| A | Trả nợ khối lượng năm trước | - | | |
| B | Kế hoạch 2021 | 18.305 | 17.811 | |
| B1 | Kế hoạch thực hiện dự án | 18.264 | 17.811 | |
| I | Dự án chuyển tiếp | 2.040 | 2.040 | 100 |
| | Dự án nhóm C | 2.040 | 2.040 | |
| 1 | Dự án ĐTDT và PTSX năm 2019-2020 | 69 | 69 | |
| | - Chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt QT | 69 | 69 | 100 |
| | - Chi phí lập BCKTKT, lập HSMT | | | |
| 2 | Dự án ĐT hiện đại hóa thiết bị công nghệ | 1.971 | 1.971 | 100 |
| | - Máy phát điện có bộ ATS | 1.898 | 1.898 | 100 |
| | - Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt | 73 | 73 | 100 |
| | Chi phí lập BCKTKT, lập HSMT | | | |
| II | Dự án khởi công mới | | | |

| TT | Tên công trình | KHĐT năm 2021 điều chỉnh TB số 4813/TKV- ĐT ngày 8/10/2021 | Thực hiện đến 31/12/2021 | Tỷ lệ %TH/KH |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|
| | Dự án nhóm C | 16.244 | 15.771 | 97 |
| 1 | Dự án ĐTDT và PTSX năm 2021-2022 | 13.199 | 13.095 | 99 |
| | Gói số 1: Máy cắt dây CNC chiều dày cắt 300mm; Máy phay răng CNC đường kính cắt 800mm (02 chiếc) | 3.968 | 3.968 | 100 |
| | Gói số 2: Máy tiện CNC (02 chiếc) | 3.795 | 3.795 | 100 |
| | Gói thầu số 3: Xe ô tô đầu kéo >35 tấn; 02 chiếc | 4.926 | 4.926 | 100 |
| | Gói thầu số 4: Máy đo thân nhiệt; 02 chiếc | 330 | 308 | 93 |
| | Chi phí lập BCKTKT, lập HS mời thầu, lệ phí trước bạ, lệ phí đăng kiểm.... | 180 | 98 | 54 |
| 2 | Đầu tư PT vận tải, nâng tải năm 2021-2022 | 3.025 | 2.676 | 88 |
| | Xe ô tô chở người 29 chỗ; 01 chiếc | 1.705 | 1.705 | 100 |
| | Xe ô tô bán tải; 01 chiếc | 985 | 905 | 92 |
| | Các chi phí khác | 295 | 66 | 22 |
| | Lập báo cáo KTKT | 40 | - | |
| B2 | Chuẩn bị dự án | 41 | - | |
| 1 | Dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin | 41 | - | |

Đánh giá chung về công tác đầu tư 2021

- Công ty đã thực hiện đầu tư theo đúng hướng dẫn tại Thông báo số 4813/TKV-ĐT ngày 08/10/2021 V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2021 điều chỉnh; Trình tự thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy chế quản lý đầu tư của Công ty quy định;

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu để tham gia thực hiện các gói thầu trong kế hoạch đầu tư năm 2021 bằng hình thức chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng; phương thức đấu thầu một giai đoạn, một túi hồ sơ; Phê duyệt giá trúng thầu, thương thảo trước khi ký hợp đồng chính thức;

- Số lượng các hạng mục đầu tư đã thực hiện 100% theo kế hoạch;

- Giá trị đầu tư các gói thầu đã thực hiện bằng 97% giá trị theo dự toán, tiết kiệm được chi phí đầu tư 494 triệu đồng so với dự toán ban đầu nhờ tổ chức tốt công tác đấu thầu trong nước bằng hình thức đấu thầu qua mạng;

- Các chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán, chi phí lập hồ sơ mời thầu và chi phí khác có liên quan đến quá trình đầu tư được phân bổ ngay vào tài sản hình thành sau đầu tư.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đã tham gia các kỳ họp của HĐQT Công ty, các kỳ họp sơ kết tháng do Giám đốc Công ty chủ trì. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng chuyên môn trong Công ty về việc giám sát hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất tại Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và có tốc độ tăng trưởng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát luôn được HĐQT, Ban Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát trong từng vụ việc được Ban Giám đốc tiếp thu và có chỉ đạo cụ thể các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khắc phục ngay đáp ứng theo yêu cầu quản lý quy định. Trong năm 2021, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

IV. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát

Năm 2021 Công ty đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV. Trong đó doanh thu sản xuất tăng 42% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế tăng 15,6 % so với kế hoạch; Vốn đầu tư của các chủ sở hữu được bảo toàn; Cổ tức đảm bảo cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021. Các nghĩa vụ về thuế đối với ngân sách nhà nước và của địa phương được hoàn thành, thu nhập của người lao động trong Công ty tăng 15% so với kế hoạch, công tác sản xuất cũng đảm bảo được an toàn.

Tuy nhiên về quản lý vốn và tài sản trong năm 2021 vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần được giải quyết như: Số lượng hàng hóa cho Công ty than Nam Mầu vay mượn với giá trị lớn đến nay vẫn chưa thu hồi được; Giá trị đầu tư dự án cán thép vì lò chưa được phê duyệt quyết toán vì còn tiếp tục làm việc với Lilama một số nội dung còn vướng mắc;

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và công tác quản lý tài chính, quản trị chi phí có hiệu quả, Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết các nội dung sau đây:

1. Đề nghị Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết dứt điểm thu hồi hàng hóa đã cho Công ty than Nam Mầu vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 V/v Thu hồi hàng hóa cho Công ty than Nam Mầu vay từ năm 2015;

2. Cần chủ động, tích cực làm việc với Lilama về các nội dung còn vướng mắc trong quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng để sớm có kết quả phục vụ công tác kiểm toán đầu tư của cả dự án trình HĐQT phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với Dây chuyền cán thép U, I theo Thông tư số 10/2020 ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với giá trị tài sản hình thành sau đầu tư;

3. Đối với một số sản phẩm dở có tuổi tồn kho trên 3 năm hiện chưa được hoàn thiện để nhập kho cần kiểm tra lại đơn hàng sản xuất hoặc hợp đồng được ký với khách hàng để tiếp tục hoàn thiện nhập kho tránh gây ứ đọng vốn lưu động trong khâu sản xuất.

V. Kế hoạch công tác năm 2022

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Thay mặt cổ đông thực hiện kiểm soát mọi hoạt động điều hành Công ty; Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý vốn và tài sản, trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Ban Giám đốc.

- Thăm tra tính trung thực số liệu báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Thực hiện kiểm soát theo kế hoạch đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

- Giám sát việc thực hiện kiến nghị kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 và kế hoạch kiểm soát năm 2022. Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ban KSNB TKV (b/c);
- HĐQT Cty; Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông tham dự đại hội;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: Ban KS.



Số: 830 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 8 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN
Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Tên Công ty được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long

2. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá đây là công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực và uy tín để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty đại chúng có cổ phiếu đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán. Đặc biệt trong năm 2021 Công ty AASC đã liên danh với Công ty kiểm toán PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các chi nhánh và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn TKV năm 2021. Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS



Số: 831 /TTr-VMC

Cám Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 3665/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN ban hành “Quy chế tài chính trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số .../NQ-VMC ngày ... tháng ... năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt phương án phân chi trả cổ tức và phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

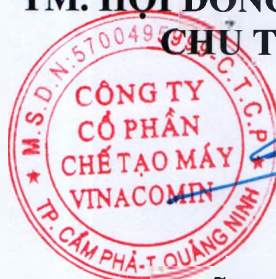
| | |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1. Lợi nhuận năm 2020 để lại chưa phân phối: | 1.521.776.253 đồng |
| 2. Lợi nhuận sau thuế năm 2021: | 10.146.481.169 đồng |
| 3. Tổng lợi nhuận phân phối năm 2021: | 11.668.257.422 đồng |
| 3.1. Trả cổ tức 10%/năm/Vốn điều lệ: | 4.697.351.000 đồng |
| 3.2. Phân chia các quỹ: | 6.970.906.422 đồng |
| 3.2.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 30%: | 2.091.271.926 đồng |
| 3.2.2. Trích Quỹ thưởng Viên chức quản lý bằng 1,5 tháng lương thực hiện năm 2021: | 287.250.000 đồng |
| 3.2.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 4.592.384.496 đồng, |
| trong đó: - Quỹ khen thưởng (60%): | 2.755.430.698 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (40%): | 1.836.953.798 đồng. |

Kính Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 890 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối thù lao năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 27/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua phân phối thù lao năm 2021 và kế hoạch thù lao 2022 như sau:

1. Thực hiện năm 2021

1.1. Tiền lương của người quản lý Công ty.

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Chức vụ | KH năm 2021 (đồng/năm) | TH năm 2021 (đồng/năm) |
|----|-----------------|----------------|---------------------------|---------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Phạm Minh Tuấn | Giám đốc | 387.000.000 | 425.700.000 |
| 2 | Lê Viết Sự | Phó Giám đốc | 343.000.000 | 377.300.000 |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Phó Giám đốc | 343.000.000 | 377.300.000 |
| 4 | Tăng Bá Khang | Phó Giám đốc | 343.000.000 | 377.300.000 |
| 5 | Phạm Thu Hương | Kế toán trưởng | 314.000.000 | 345.400.000 |
| 6 | Hoàng Mạnh Hùng | Trưởng BKS | 359.000.000 | 394.900.000 |
| | Tổng | | 2.089.000.000 | 2.297.900.000 |

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | KH năm 2021 (đồng/năm) | TH năm 2021 (đồng/năm) |
|----|-------------|----------|---------------------------|---------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Trưởng BKS | 01 | 359.000.000 | 394.900.000 |
| | Tổng | | 359.000.000 | 394.900.000 |

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | KH năm 2021 (đồng/năm) | TH năm 2021 (đồng/năm) |
|----|-------------------|----------|---------------------------|---------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 61.680.000 | 61.680.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | | | |
| | - GD kiêm TV HĐQT | 1 | 59.280.000 | 59.280.000 |
| | - TV HĐQT | 3 | 177.840.000 | 157.680.000 |
| 3 | Thành viên BKS | 2 | 105.120.000 | 105.120.000 |
| | Cộng | 7 | 403.920.000 | 383.760.000 |

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2022

2.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Chức vụ | Tiền lương tháng (đồng/ng/th) | Tiền lương năm (đồng/ng/năm) |
|----|-----------------|----------------|-------------------------------------|---------------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Phạm Minh Tuấn | Giám đốc | 32.300.000 | 387.000.000 |
| 2 | Lê Viết Sự | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 4 | Tăng Bá Khang | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 5 | Phạm Thu Hương | Kế toán trưởng | 26.100.000 | 314.000.000 |
| 6 | Hoàng Mạnh Hùng | Trưởng BKS | 29.900.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 174.100.000 | 2.089.000.000 |

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | Tiền lương tháng (đồng/ng/th) | Tiền lương năm (đồng/ng/năm) |
|----|-------------|----------|-------------------------------|------------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Trưởng BKS | 01 | 29.900.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 29.900.000 | 359.000.000 |

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| T T | Chức Danh | Tiền lương tháng | Số người | tỷ lệ | Tiền thù lao tháng (đồng/ng/th) | Tổng tiền thù lao KH năm 2022 (đồng/ng/năm) |
|--------|-------------------|-------------------|----------|-------|---------------------------------|---------------------------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 25.700.000 | 1 | 20% | 5.140.000 | 61.680.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | | | | | |
| | - GD kiêm TV HĐQT | 24.700.000 | 1 | 20% | 4.940.000 | 59.280.000 |
| | - TV HĐQT | 21.900.000 | 3 | 20% | 4.380.000 | 157.680.000 |
| 3 | Thành viên BKS | 21.900.000 | 2 | 20% | 4.380.000 | 105.120.000 |
| | Cộng | 94.200.000 | 7 | | | 383.760.000 |

3. Phương thức chi trả:

Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tú